TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 08-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Hiếu;

Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T (tên gọi khác là T1), sinh năm 1973; tại Long An; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Trương Thị H1, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Vào các năm 1991, 1992 và 1993 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An phạt tập trung cải tạo về hành vi "Trộm cắp tài sản công dân"; tại Bản án số 1283/HSPT ngày 29/9/1995, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm tù về các tội "Giết người", "Cướp tài sản công dân" và "Trốn khỏi nơi giam"; bị bắt khẩn cấp và tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ông Đào Thanh H, sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2017, Phạm Văn T đến Khu công nghiệp Lê Minh X thuộc huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh làm phụ hồ và quen biết với Nguyễn Minh K, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 10/9/2017, K rủ T về nhà mình tại ấp B, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để chơi và tổ chức uống rượu tại đây. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, ông Đào Thanh H, sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương là cậu ruột của K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu đen, biển số 61H1- 011.45 đến nhà K. Ông H gặp K và T. Ông H rủ K đi uống cà phê. K nói: "Con mệt quá, con nằm nghỉ ngơi, mai còn đi làm sớm, cậu H chở bạn con (T) đi uống nước đi". Ông H đồng ý. Ông H chở T đến quán nước của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cách nhà K khoảng mấy trăm mét. Tại quán bà M, ông H và T gặp ông Nguyễn Công T2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm 1983, cùng hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương đang ngồi uống bia tại đây. Ông H được T2 và T3 mời qua ngồi uống bia, ông H nói T vào ngồi cùng. Lúc này, Tnảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông H. Khoảng 18 giờ 50 phút, sau khi uống hết nửa ly bia, Tnói dối với ông H "Cậu đưa xe cho con mượn về nhà rước K ra đây chơi do K điện thoại kêu rước". Ông H tin tưởng nên đưa chìa khóa xe và chiếc xe mô tô biển số 61H1- 011.45 cho T. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, T điều khiển xe chạy đến khu vực ngã tư S, Quốc lộ 1A thuộc Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 2.000.000 đồng. Số tiền này, T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, T về xã T, huyện C, tỉnh Long An làm thuê.

Ngày 11/9/2017, ông H làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T. Ngày 07/10/2017, T bị bắt khẩn cấp và tạm giam đến nay.

Tại Kết luận định giá tài sản số 48/KLĐG ngày 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, số loại C100, số khung Y004570, số máy 2804594, màu sơn đen – bạc, biển số 61H1- 011.45, có trị giá 10.000.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, số loại C100, số khung Y004570, số máy 2804594, màu sơn đen – bạc, biển số 61H1- 011.45 do ông H đứng tên chủ sở hữu, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được. Quá trình điều tra, ông H yêu cầu T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, T đồng ý bồi thường.

Tại Bản Cáo trạng số 80/CTr-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại H số tiền 10.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo T chấp nhận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng trị giá xe mô tô mà bị cáo T đã chiếm đoạt nhưng xác định sau khi mãn hạn tù về đi làm mới thanh toán.

Tại phiên tòa, bị hại H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, bị hại H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng trị giá xe mô tô bị cáo T đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 10/9/2017, tại quán nước của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953, tại Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo T có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để mượn rồi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển số 61H1- 011.45, nhãn hiệu Wave alpha, số loại C100, số khung Y004570, số máy 2804594, màu sơn đen – bạc của bị hại H rồi đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận của bị cáo T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Bản

Cáo trạng số 80/CTr-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả, quyết tâm thực hiện tội phạm. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã bằng thủ đoạn nói dối mượn xe chở bạn để bị hại tin tưởng rồi giao tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 48/KLĐG ngày 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận tài sản là xe mô tô biển số 61H1- 011.45 bị cáo chiếm đoạt có trị giá 10.000.000 đồng. Do đó, bị cáo T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo T xuất phát từ bản tính lười lao động, tham lam, tư lợi cá nhân, muốn có được tài sản mà không cần phải bỏ sức lao động. Bị cáo T có nhân thân xấu, từng bị UBND huyện C, tỉnh Long An phạt tập trung cải tạo về hành vi trộm cắp tài sản công dân và từng bị Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm tù về các tội "Giết người", "Cướp tài sản công dân" và "Trốn khỏi nơi giam" theo Bản án số 1283/HSPT ngày 29/9/1995, lẽ ra qua đó bị cáo T phải thấy được hành vi sai trái của mình cũng như sự nghiêm minh của pháp luật nhưng ngược lại bị cáo lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội mới.

[5] Về mức độ phạm tội bị cáo T gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu tài sản trên địa bàn huyện D, đồng thời cũng để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm có điều kiện giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại Hoàng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô biển số 61H1- 011.45 có trị giá 10.000.000 đồng, tài sản cơ quan Cảnh sát điều tra

không thu hồi được. Tại phiên tòa, bị hại H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận.

[8] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo T về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác là T1) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2017.

II. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên buộc:

Bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Đào Thanh H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đào Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bị cáo T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

III. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 08/01/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT-Công an H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng